

Bản án số: 204/2021/HSST.
Ngày: 29 – 11 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Lưu.

2/ Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 216/2021/HSST ngày 12/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2021/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T**, sinh năm 1993 tại ĐA, Hà Nội. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm V, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Đức T và bà Trần Thị T, có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A, có hai con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; TATS: Theo Danh, chỉ bản 497 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 10/8/2021 và Trích lục tiền án, tiền sự số 524580/2021/PV06 ngày 27/8/2021 thể hiện bị cáo không có tiền sự, tiền án; Nhân thân: Không có các tiền án đã được xóa, có 01 tiền sự đã được xóa: Ngày 23/8/2011, Công an Trạm Nam Đông Anh, huyện Đông Anh, xử phạt hành chính hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TQ, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 2002. Vắng mặt tại phiên tòa.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, SH, TL, Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn P (tức H), sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐY, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ 20/3/2021 đến 20/5/2021, Lương Văn T đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản (xe máy), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Lương Văn T và anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1996; trú tại: Thôn TQ, DT, ĐA, Hà Nội, cùng là khách chơi game tại quán game online của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987, tại Xóm C, CL, ĐA, Hà Nội nên quen biết nhau. Khoảng 13h00' ngày 20/3/2021, T đến quán game gặp anh T1 và hỏi mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 29S1-603.xx của anh T1 để đi đón cháu Lương Diệp A, sinh năm: 2014, là con T, tại thôn ĐB, UN, ĐA, Hà Nội rồi về trả luôn. Anh T1 đồng ý, giao xe và chìa khóa xe cho T. T điều khiển xe máy biển kiểm soát: 29S1-603.xx đến đầu thôn ĐB, UN thì nhận được điện thoại của anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn XL, XT, SS, Hà Nội, là bạn của T mời đến nhà uống rượu. T đồng ý, điều khiển xe máy đi thẳng đến nhà anh Đ. Khoảng 15h00' cùng ngày, T đến quán game (không rõ tên quán) tại thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội gặp một người bạn mới quen tên là H (chưa rõ lai lịch), nhờ đi cầm cố xe máy của anh T1 lấy 3.000.000 đồng, hẹn khoảng 02 hôm sẽ chuộc lại, H đồng ý. H điều khiển xe máy trên rồi khỏi quán khoảng 30 phút sau thì quay lại giao cho T 3.000.000 đồng. Việc giao nhận xe, tiền không lập giấy tờ, không có người chứng kiến. T cầm tiền, tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 15h49' cùng ngày anh T1 nhắn tin qua Zalo cho T để đòi xe máy, T nói dối là xe bị hỏng, sau đó nói xe đã cầm cố cho người khác, hẹn tối cùng ngày sẽ chuộc xe về trả cho anh T1. Đến hẹn không thấy T trả xe, anh T1 liên lạc đòi xe thì T trốn tránh. Ngày 22/3/2021, anh T1 đến Công an xã Cổ Loa - Công an huyện Đông Anh tố giác Lương Văn T có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 25/3/2021, T mang 3.000.000 đồng đến quán game thuộc thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội gặp H để nhờ H đi chuộc xe về trả anh T1. Lúc này H nói

cho T biết xe máy trên H cầm cố được 8.000.000 đồng, 3.000.000 đồng đưa cho T còn 5.000.000 đồng H đã tiêu xài cá nhân hết và nhận nợ với T. Vì không đủ tiền chuộc xe nên T ra về. Khoảng ngày 06/5/2021, T đến cửa hàng mua bán, ký gửi xe máy QH tại LQ, XN, ĐA, Hà Nội gặp anh Trần Văn P (tức H), sinh năm: 1978; hộ khẩu thường trú: Thôn ĐY, XN, ĐA, Hà Nội; là chủ cửa hàng) để vay 8.000.000 đồng chuộc xe. Anh P đồng ý và giao tiền cho T. T cầm 8.000.000 đồng đến cầu Chùa Dận, Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh giao cho H để đi chuộc xe. Khoảng 15 phút sau, H điều khiển xe máy biển kiểm soát: 29S1 - 603.xx của anh T1 về giao cho T. Do T vay tiền của anh P nhưng chưa có tiền trả nên T gửi xe máy trên tại cửa hàng của anh P nhờ giữ hộ mà không đem trả anh T1.

Tại bản kết luận số 140 ngày 16/4/2021, Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 29S1-603.xx T chiếm đoạt của anh T1 có trị giá 12.174.000 đồng.

Ngày 18/5/2021, Cơ quan điều tra triệu tập Lương Văn T đến trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Lương Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và cam kết đến ngày 20/5/2021 sẽ chuộc và đem xe máy của anh T1 giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ hai: Khoảng 22h30' ngày 19/5/2021, anh Bùi Văn Đ, sinh năm: 2002; trú tại: Thôn Đ, SH, TL, Hòa Bình) đi xe máy Honda Wave, sơn màu đen, biển kiểm soát: 28E1-208.xx, số khung: 044452, số máy: 2161766 đến nhà anh Lương Đức D, sinh năm: 2003; trú tại: Xóm V, CL, ĐA, Hà Nội, là em trai ở cùng nhà T ngủ nhờ. Khoảng 16h45' ngày 20/5/2021, anh Đ để xe máy dưới sân, nằm ngủ một mình trên phòng ngủ tầng 02. Do đến thời gian T hẹn giao nộp lại xe máy của anh T1 cho Cơ quan điều tra nhưng chưa có tiền chuộc xe, thấy xe của anh Đ để ở nhà nên T nảy sinh ý định mượn xe máy của anh Đ đem đến quán QH ký gửi, chuộc lấy xe máy của anh T1 giao nộp cho Cơ quan Công an. T bảo cháu Diệp A lên hỏi mượn xe máy của anh Đ để đưa cháu Diệp A về nhà bà ngoại tại ĐB, UN, ĐA, Hà Nội. Cháu Diệp A đồng ý. Cháu Diệp A lên tầng 02, gặp, hỏi mượn xe nhưng anh Đ không cho mượn và bảo tý nữa còn dùng đến xe. Cháu Diệp A đi xuống, đến cầu thang tầng 01 thì quay lại phòng anh Đ. Thấy anh Đ đang ngủ, chìa khóa xe máy để trên cửa sổ, cháu Diệp A tự ý lấy chìa khóa xe máy mang xuống đưa cho T. T cầm chìa khóa, mở khóa điện điều khiển xe máy của anh Đ chở cháu Diệp A đến cửa hàng mua bán xe máy QH tại LQ, XN, ĐA, Hà Nội gặp anh P đề nghị thay thế tài sản ký gửi từ xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 29S1 - 603.xx của anh T1 sang xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 28E1-208.xx của anh Đ đồng thời hỏi vay thêm 1.500.000 đồng. Anh P đồng ý. Việc giao nhận xe, tiền không lập giấy tờ. Sau khi nhận lại xe máy biển kiểm soát: 29S1 - 603.xx, T mang

xe đến giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 20/5/2021, anh Bùi Văn Đ đến Công an xã Cổ Loa - Công an huyện Đông Anh trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn T khai nhận hành vi như đã nêu trên. T khai không trộm cắp tài sản của anh Đ mà chỉ bảo con là cháu Diệp A lên hỏi mượn xe của anh Đ. Việc Diệp A tự ý lấy chìa khóa xe của anh Đ, T không biết. Kết quả điều tra đủ cơ sở kết luận: T có ý định chiếm đoạt xe của anh Đ từ trước khi bảo cháu Diệp A mượn xe. Việc cháu Diệp A đưa chìa khóa xe máy cho T, T không hỏi và không quan tâm đến việc tại sao cháu Diệp A có chìa khóa xe.

Ngày 01/6/2021, Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh đã kết luận xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 28E1 - 208.xx T chiếm đoạt của anh Đ có trị giá 18.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Của Lương Văn T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda WAVE, sơn màu vàng - đen - bạc, biển kiểm soát: 29S1-603.xx, số máy: HC12E7302089, số khung: 1251FY302433; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đỏ, số Imei1: 356742103064686, số Imei2: 356742103064694, lắp sim 0366.886.233.

- Của anh Nguyễn Văn T1: 01 Bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát: 29S1-603.xx mang tên Nguyễn Văn T1; 24 tờ giấy khổ A4, thể hiện nội dung tin nhắn giữa T với anh T1 về việc mượn, khát trả xe máy.

Sau khi anh Đ trình báo đến sáng ngày 26/6/2021, T mang theo 3.000.000 đồng đến gặp anh P chuộc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 28E1-208.xx trả lại cho anh Đ.

Đối với nam thanh niên tên H, T chỉ biết tên, không rõ tên tuổi đầy đủ, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Văn P có hành vi nhận ký gửi xe máy của T quá trình điều tra xác định không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với P .

Đối với cháu Lương Diệp A có hành vi lén lút lấy chìa khóa xe máy của anh Đ để cùng với T thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy nhưng khi thực hiện hành vi, cháu Diệp A mới được 06 năm 06 tháng 27 ngày tuổi nên hành vi của cháu Diệp A không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với cháu Lương Diệp A.

Đối với xe máy Honda Wave, biển kiểm soát: 29S1-603.xx (tạm giữ của T); là tài sản hợp pháp của anh T1. Ngày 28/5/2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trao trả cho anh Nguyễn Văn T1.

Đối với bản photo giấy đăng ký xe biển kiểm soát: 29S1-603.xx và 24 tờ giấy khổ A4 anh T1 cung cấp cho Cơ quan điều tra là tài liệu có liên quan đến vụ án, anh T1 không đề nghị nhận lại, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, chuyển cùng hồ sơ vụ án phục vụ công tác xét xử.

Đối với xe máy Honda Wave, sơn màu đen, biển kiểm soát: 28E1-208.xx, số khung: 044452, số máy: 2161766 mà anh Đ bị chiếm đoạt. Kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đ. Ngày 26/6/2021, T trả lại xe máy trên cho anh Đ. Anh Đ sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với điện thoại di động Vsmart, vỏ màu đỏ (tạm giữ của T) là tài sản cá nhân của T, sử dụng trong quá trình phạm tội, đã chuyển Toàn án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Về phần dân sự:

Anh Nguyễn Văn T1, anh Bùi Văn Đ không yêu cầu bồi thường dân sự gì, đề nghị xử lý nghiêm T theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn P yêu cầu T trả lại số tiền 8.000.000 đồng đã đưa cho T.

Tại bản Cáo trạng số 207/CT-VKS-ĐA ngày 09/11/2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố: Bị cáo Lương Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được, với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo xác định do chưa có tiền để chuộc xe trả anh T1 theo cam kết tại cơ quan công an nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Đ để đổi lấy xe của anh T1 ra nộp cho cơ quan công an. Do có ý định chiếm đoạt nên bị cáo bảo con gái đi hỏi mượn xe anh Đ để bị cáo chở con gái về nhà bà ngoại. Khi cháu Diệp A xuống đưa chìa khóa bị cáo có hỏi: Chú Đ cho mượn rồi à và cháu Diệp A có bảo bị cáo: Đi nhanh về còn trả xe cho chú Đ đi có việc. Chiếc điện thoại cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là điện thoại bị cáo mượn của em gái là chị Lương Thị O, sinh năm 1995 ở xóm V, xã CL, ĐA, Hà Nội để sử dụng sau khi đã bán điện thoại của bị cáo. Chiếc điện thoại này bị cáo mượn sau khi đã chiếm đoạt xe của anh T1, bị cáo đề nghị trả lại điện thoại trên cho em bị cáo là chị O và sim điện thoại của bị cáo nếu được trả lại thì nhờ chị O nhận hộ bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định

việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Lương Văn T: Từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Lương Văn T: Từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với hai tội danh trên. Do vậy, Lương Văn T phải chấp hành hình phạt đối với hai tội danh trên từ 18 tháng đến 22 tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại xác định đã nhận bồi thường đủ về phần dân sự, không có yêu cầu gì thêm nên Tòa án không giải quyết. Đối với các trách nhiệm dân sự có liên quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn P yêu cầu bị cáo thanh toán cho anh P số tiền 8.000.000 đồng và bị cáo thừa nhận nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc thanh toán cho anh P số tiền 8.000.000 đồng.

Về phần vật chứng: Trả chiếc điện thoại cho chị Lương Thị O là em gái bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong 02 ngày 20/3/2021 và 19/5/2021, Lương Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện Đông Anh, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 13h00' ngày 20/3/2021 tại Thôn C, CL, ĐA, Hà Nội, Lương Văn T đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Nguyễn Văn T1, mượn xe máy Honda Wave, sơn màu đen, biển kiểm soát: 29S1-603.xx trị giá 12.174.000 đồng mang cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi này của T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo

Lương Văn Tg phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Lần thứ 2: Khoảng 16h45' ngày 20/5/2021 tại Xóm V, CL, ĐA, Hà Nội, Lương Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đ nên đã có hành vi lợi dụng cháu Lương Diệp A (06 tuổi, 06 tháng, 27 ngày) lén lút lấy chìa khóa xe máy để trên cửa sổ trong lúc anh Đ đang ngủ đưa cho T và T chiếm đoạt xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 28E1 - 208.xx có trị giá **18.000.000 đồng** của anh Bùi Văn Đ. Bị cáo T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đ đem thế vào xe máy của anh T1 đang đặt tại cửa hàng xe máy của anh H (tức P) để lấy xe của anh T1 ra trả cho anh T1 nên bảo con T là cháu Diệp A lên mượn chìa khóa xe của anh Đ. T không trực tiếp mượn vì bản thân nhận thức được sẽ không được cho mượn và lợi dụng cháu Diệp A còn nhỏ nên bảo cháu mượn xe để chở về nhà bà ngoại nên cháu Diệp A đã lén lút lấy chìa khóa xe máy của anh Đ khi anh đang ngủ để đưa cho T. Như vậy cho thấy T đã dùng thủ đoạn khác để lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lương Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tổng hợp hình phạt: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Bị cáo Lương Văn T có 01 tiền sự, ngày 23/8/2011 Công an Trạm Nam Đông Anh xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ với số tiền phạt là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền xác định không còn lưu giữ được hồ sơ và quyết định xử phạt. Bản thân bị cáo thừa nhận có bị xử lý hành chính và đã nộp phạt nhưng không còn lưu giữ tài liệu xử phạt và biên lai nộp phạt. Bị cáo thành khẩn khai báo hành vi của mình và ăn năn, hối cải; đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Điểm s và tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo phạm hai tội nên khi xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là phù hợp quy định của pháp luật.

Bị cáo T dù phạm tội lần đầu nhưng lại liên tiếp phạm hai tội về cùng loại tội chiếm đoạt tài sản cho thấy bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân nên dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ vẫn cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về phần dân sự: Đối với các tài sản bị chiếm đoạt bị cáo đã khắc phục, trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự nên Tòa án không giải quyết. Về phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, anh P (tức H) đề nghị bị cáo T trả cho anh P số tiền 8.000.000 đồng bị cáo còn nợ. Bị cáo đồng ý xác nhận số tiền còn nợ anh P là 8.000.000 đồng nhưng chưa có tiền ngay để trả, bị cáo nhận nợ và hứa sẽ trả nợ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T, xác định bị cáo T có trách nhiệm thanh toán cho anh P số tiền 8.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đỏ, số Imei1: 356742103064686, số Imei2: 356742103064694, lắp sim 0366.886.233 của T. T xác định điện thoại này T mượn của em gái là chị Lương Thị O, sinh năm 1995 để sử dụng và có liên lạc với anh T1 khát hện liên quan đến chiếc xe máy của anh T1 bị T chiếm đoạt. Tuy nhiên, điện thoại này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho chị Lương Thị O, sinh năm 1995 theo đề nghị của bị cáo là phù hợp. Đối với sim điện thoại của bị cáo đang lắp trong điện thoại của chị O giao cho chị O quản lý hộ bị cáo theo đề nghị của bị cáo là phù hợp.

24 tờ giấy khổ A4, thể hiện nội dung tin nhắn giữa T với anh T1 về việc mượn, khát trả xe máy là tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội của T nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bị cáo có trách nhiệm thanh toán nghĩa vụ dân sự là số tiền 8.000.000 đồng cho anh P nên bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền này là: 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) .

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lương Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2021.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lương Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2021.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt đối với hai tội danh trên. Do vậy, Lương Văn T phải chấp hành hình phạt đối với hai tội danh là: 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2021.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về phần dân sự: Đối với các tài sản bị chiếm đoạt bị cáo đã khắc phục, trả cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu về phần dân sự nên Tòa án không giải quyết. Về phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, xác định bị cáo có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ anh P là: 8.000.000 đồng. Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Trả cho chị Lương Thị O, sinh năm 1995; trú tại: Xóm V, xã CL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đỏ, số Imei1: 356742103064686, số Imei2: 356742103064694. Giao cho chị O quản lý hộ bị cáo T (theo đề nghị của bị cáo): 01 sim 0366.886.233 kèm theo điện thoại được trả cho chị O (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 10/11/2021).

24 tờ giấy khổ A4, thể hiện nội dung tin nhắn giữa T với anh T về việc mượn, khát trả xe máy là tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội của T nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án

Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần mình có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh